

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM
Số: 2066/TB-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 26 tháng 05 năm 2023

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Hóa chất sinh phẩm xét nghiệm để căn cứ xây dựng giá kế hoạch năm 2023

1. Bên mời chào giá: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam (gọi tắt Bệnh viện)
2. Tên gói thầu: Mua sắm hoá chất sinh phẩm năm 2023
3. Thời gian phát hành thông báo: 09. giờ 00 phút ngày 26. tháng 05 năm 2023
4. Địa điểm phát hành: Khoa Dược Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam
Địa chỉ : Thôn Nam sơn, xã Tam Hiệp, Núi Thành, Quảng Nam.
5. Hình thức phát hành thông báo: Đăng trên website Bệnh viện , gửi trực tiếp đến các nhà thầu
6. Yêu cầu cụ thể: (Kèm theo phụ lục)
7. Địa chỉ nhận hồ sơ: Yêu cầu hồ sơ niêm phong gửi về Khoa Dược Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam (Nội dung bì báo giá bên ngoài bao gồm: Đơn vị báo giá, nội dung báo giá)
8. Hạn chót nhận hồ sơ : 09. giờ 00 ngày 09 tháng 06 năm 2023
9. Thời gian mở báo giá: lúc 09. giờ 05 ngày 09 tháng 06 năm 2023
10. Địa điểm mở thầu: Phòng giao ban Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam

Bệnh viện kính mời các nhà thầu có đủ điều kiện, năng lực và quan tâm gói thầu trên, gửi báo giá tham gia chào giá (Kèm theo mẫu chào giá)

Trong báo giá quý nhà thầu ghi rõ thời gian giao hàng và giá sau thuế và bao gồm phí (giá gồm thuế VAT; chi phí bốc vác, vận chuyển, nhân công lắp dựng, hướng dẫn kỹ thuật và chi phí khác); ghi rõ thông tin nhà thầu số điện thoại giao dịch.

Nhà thầu tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về gói thầu xin vui lòng liên hệ với Ds. Nguyễn Hữu Thịnh, Chức vụ: Nhân viên khoa Dược (SĐT: 0969.720.735).

Nơi nhận:

- Nhà thầu (có quan tâm);
- Đăng website Bệnh viện;
- Lưu VT, KD;



Nguyễn Đình Hùng

BẢNG BÁO GIÁ HÓA CHẤT

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam

Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam mời chào giá kế hoạch hoá chất, sinh phẩm kèm theo thông báo số: /TB-BV
ngày / /2023

Tên đơn vị: Số điện thoại:
Địa chỉ:
Mã số thuế:
Ngành nghề kinh doanh dịch vụ chính
Nội dung báo giá như sau:

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
I	HÓA CHẤT DÙNG CHO XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH (≥ 80 TEST/GIỜ)				
1	Hóa chất kiểm tra định lượng Anti HBs	Được dùng để hiệu chuẩn cho định tính kháng thể kháng lại virus viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	50	
2	Hóa chất chuẩn định định lượng Anti HBs	Được dùng để Kiểm tra độ xác thực và độ chính xác cho định tính kháng thể kháng lại virus viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	50	
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti HBs	Để xét nghiệm phát hiện định tính kháng thể kháng lại virus viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương người.	test	800	
4	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Anti HCV	Được dùng để hiệu chuẩn cho định tính kháng thể kháng kháng nguyên virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	15	
5	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Anti HCV	Được dùng để Kiểm tra độ xác thực và độ chính xác cho định tính kháng thể kháng kháng nguyên virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	50	
6	Hóa chất xét nghiệm Anti HCV	Để xét nghiệm phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người.	test	1,500	
7	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Anti-HBc IgM	Được dùng để hiệu chuẩn cho định tính xét nghiệm Anti-HBc IgM trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	10	
8	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Anti-HBc IgM	Được dùng để Kiểm tra độ xác thực và độ chính xác cho định tính xét nghiệm Anti-HBc IgM trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	20	
9	Hóa chất xét nghiệm Anti-HBc IgM	Để xét nghiệm phát hiện định tính xét nghiệm Anti-HBc IgM trong huyết thanh và huyết tương người.	test	100	
10	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Anti-HBe	Được dùng để hiệu chuẩn cho định tính kháng thể kháng lại virus viêm gan B (anti-HBe) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	10	
11	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Anti-HBe	Được dùng để Kiểm tra độ xác thực và độ chính xác cho định tính kháng thể kháng lại virus viêm gan B (anti-HBe) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	35	
12	Hóa chất xét nghiệm Anti-HBe	Để xét nghiệm phát hiện định tính kháng thể kháng lại virus viêm gan B (anti-HBe) trong huyết thanh và huyết tương người.	test	500	
13	Dung dịch rửa đậm đặc cho máy miễn dịch	Nước rửa sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch	ml	110,000	
14	Dung dịch tiền kích hoạt cho máy miễn dịch	Chất tiền xử lý dùng trên máy, áp dụng cho nguyên lý đo miễn dịch	ml	36,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
15	Cốc chứa dung dịch phản ứng	Cốc nhựa sử dụng một lần để chứa dung dịch phản ứng phù hợp với máy miễn dịch tự động	Cái	50,000	
16	Cốc đựng mẫu	Dùng để chứa mẫu phù hợp với máy miễn dịch tự động	cái	1,000	
17	Màng ngăn	Ngăn bay hơi trong các lọ hóa chất	cái	400	
18	Dung dịch kích hoạt cho máy miễn dịch	Dung dịch rửa cho kỹ thuật miễn dịch vi hạt hoá phát quang linh hoạt 2 bước rửa.	ml	36,000	
19	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HAV IgG	Được dùng để hiệu chuẩn cho định tính xét nghiệm HAV IgG trong huyết thanh và huyết tương người.	Hộp	5	
20	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HAV IgG	Được dùng để Kiểm tra độ xác thực và độ chính xác cho định tính xét nghiệm HAV IgG trong huyết thanh và huyết tương người.	Hộp	20	
21	Hóa chất xét nghiệm HAV IgG	Để xét nghiệm phát hiện định tính xét nghiệm HAV IgG trong huyết thanh và huyết tương người.	test	100	
22	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HAV IgM	Được dùng để hiệu chuẩn cho định tính xét nghiệm HAV IgM trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	5	
23	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HAV IgM	Được dùng để Kiểm tra độ xác thực và độ chính xác cho định tính xét nghiệm HAV IgM trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	20	
24	Hóa chất xét nghiệm HAV IgM	Để xét nghiệm phát hiện định tính xét nghiệm HAV IgM trong huyết thanh và huyết tương người.	test	100	
25	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HBeAg	Được sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định tính trong chẩn đoán virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	20	
26	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HBeAg	Được sử dụng để nội kiểm khi thực hiện định tính trong chẩn đoán virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	35	
27	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	Được sử dụng để định tính trong chẩn đoán virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người.	test	1,000	
28	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HBsAg	Được sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	100	
29	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HBsAg	Được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người.	test	5,000	
30	Hóa chất xét nghiệm HBsAg	Được dùng để định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người.	ml	30	
31	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HIV	Được dùng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện HIV.	ml	15	
32	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HIV	Được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện HIV.	ml	160	
33	Hóa chất xét nghiệm HIV	Để xét nghiệm phát hiện định tính kháng nguyên HIV.	test	5,000	
34	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Rubella IgG	Được dùng để hiệu chuẩn cho định tính xét nghiệm Rubella IgG trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	5	
35	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Rubella IgG	Được dùng để Kiểm tra độ xác thực và độ chính xác cho định tính xét nghiệm Rubella IgG trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	30	
36	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgG	Để xét nghiệm phát hiện định tính xét nghiệm Rubella IgG trong huyết thanh và huyết tương người.	test	100	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
37	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Rubella IgM	Được dùng để hiệu chuẩn cho định tính xét nghiệm Rubella IgM trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	5	
38	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Rubella IgM	Được dùng để Kiểm tra độ xác thực và độ chính xác cho định tính xét nghiệm Rubella IgM trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	10	
39	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgM	Để xét nghiệm phát hiện định tính xét nghiệm Rubella IgM trong huyết thanh và huyết tương người.	test	100	
40	Hóa chất chuẩn xét nghiệm kháng thể kháng Giang mai	Được sử dụng để hiệu chuẩn cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	5	
41	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm kháng thể kháng Giang mai	Được sử dụng để ước tính độ chính xác và phát hiện độ lệch sai số hệ thống cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	35	
42	Hóa chất xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng Giang mai	Là xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang để phát hiện định tính các kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người.	test	500	
II	Máy Định danh, Kháng sinh đồ tự động PHOENIX M50				
43	Canh trường định danh - ID broth	Canh trường dùng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm	Ống	300	
44	Canh trường làm kháng sinh đồ dành cho liên cầu khuẩn ast-s broth	Canh trường dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus	Ống	100	
45	Canh trường làm kháng sinh đồ-ast broth	Canh trường dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn	Ống	600	
46	Chỉ thị kháng sinh đồ ast indicator	Chất chỉ thị dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn	Lọ	30	
47	Chỉ thị kháng sinh đồ cho liên cầu khuẩn ast-s indicator	Chất chỉ thị dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus	Lọ	10	
48	Thẻ định danh gram âm	Dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.	test	100	
49	Thẻ định danh gram dương	Dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.	test	50	
50	Thẻ định danh nấm men	Dùng để định danh nhanh các loại Nấm men.	test	50	
51	Thẻ định danh và kháng sinh đồ Gram âm	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi	test	100	
52	Thẻ định danh và kháng sinh đồ Gram dương	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi	test	50	
53	Thẻ định danh và kháng sinh đồ liên cầu khuẩn	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại Liên cầu khuẩn.	test	50	
54	Thẻ kháng sinh đồ gram âm	Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.	test	50	
55	Thẻ kháng sinh đồ gram dương	Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.	test	50	
III	HÓA CHẤT THÔNG THƯỜNG				
56	Môi trường BHI	Ống canh thang dùng cho xét nghiệm vi sinh	ống	1,800	
57	Môi trường BHI 20% glycerol	Ống canh thang dùng cho xét nghiệm vi sinh	Lọ	200	
58	Môi trường ESBL 90 mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc và định danh vi khuẩn tiết ESBL	Đĩa	500	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
59	Môi trường ESBL/KPC 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. ESBL: môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc và định danh vi khuẩn tiết ESBL. KPC: môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc và định danh vi khuẩn tiết KPC	Đĩa	300	
60	Môi trường ESBL/MRSA 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. ESBL: môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc và định danh vi khuẩn tiết ESBL. MRSA: môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc và định danh S. aureus kháng methicillin	Đĩa	300	
61	Môi trường Kliggler Iron Agar	Tube thủy tinh có nắp vận chặt có chứa 5ml môi trường. Dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc	Lọ	100	
62	Môi trường Mac Conkey Agar (MC) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose	Đĩa	5,000	
63	Môi trường Mannitol Salt Agar (MSA) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Staphylococcus. Phân biệt khả năng lên men mannitol	đĩa	2,000	
64	Môi trường MRSA/VRE 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. MRSA: môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc và định danh S. aureus kháng methicillin. VRE: môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc và định danh Enterococcus kháng vancomycin	đĩa	300	
65	Môi trường Mueller Hinton Agar (MHA) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc	đĩa	4,000	
66	Môi trường Mueller Hinton Blood Agar (MHBA) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ Streptococcus	cái	600	
67	Môi trường Nutrient Agar (NA) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn dễ mọc	đĩa	300	
68	Môi trường Sabouraud có chứa Chloramphenicol (SAB Cl) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc được dùng phân lập chọn lọc vi khuẩn vi nấm	đĩa	300	
69	Môi trường Salmonella Shigella Agar (SS) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella. Phân biệt khả năng lên men lactose	đĩa	500	
70	Môi trường Simmons Citrate Agar	Lọ thủy tinh có nắp vận chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng biến dưỡng citrate	Lọ	100	
71	Môi trường Sulfide Indole Motility	Lọ thủy tinh có nắp vận chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa sinh hydrogen sulfide, sinh indol và di động.	Ống	100	
72	Môi trường thạch máu (BA) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt. Phân lập chọn lọc Staphylococcus và Streptococcus. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , g) của Streptococcus.	Đĩa	5,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
73	Môi trường Thạch nâu (CAXV) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc	đĩa	500	
74	Môi trường Thiosulfate Citrate Bile Salts Sucrose Agar 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Vibrio. Phân biệt khả năng lên men sucrose	đĩa	300	
75	Môi trường Trypticase Soy Agar (TSA) 90mm	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn dễ mọc	đĩa	300	
76	Amikacin 30µg (Ak)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
77	Amoxciline/sulbactam 30/15µg	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	
78	Amoxicillin 10µg (Ax)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	
79	Amoxicillin/clavulanic acid 20/10µg (Ac)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
80	Amphotericin (Đĩa kháng sinh)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	250	
81	Ampicillin 10µg (Am)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
82	Ampicillin/sulbactam 10/10µg (As)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	
83	Bacitracin (đĩa định danh)	Thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Bacitracin	đĩa	500	
84	Caspofugin (Đĩa kháng sinh)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	250	
85	Cefaclor 30µg (Cr)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
86	Cefepime 30µg (Cm)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
87	Cefoperazone 75µg (Cf)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
88	Cefotaxime 30µg (Ct)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
89	Cefotaxime/clavulanic acid 30/10µg (Zt)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
90	Cefoxitin 30µg (Cn)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
91	Ceftazidime / clavulanic acid 30/10µg (Zc)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	
92	Ceftazidime 30µg (Cz)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
93	Ceftriaxone 30µg (Cx)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
94	Cefuroxime 30µg (Cu)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
95	Cephalexin 30µg (Cp)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
96	Chloramphenicol 30µg (Cl)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,500	
97	Ciprofloxacin 5µg (Ci)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
98	Citrate (đĩa định danh)	Thực hiện thử nghiệm sử dụng Citrate	đĩa	100	
99	Clarithromicin 15µg (Ch)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
100	Clindamycin 2µg (cL)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,500	
101	Colistin 10µg (Co)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	
102	Doxycycline 30µg (Dx)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
103	Ertapenem 10µg (En)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
104	Erythromycin 15µg (Er)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,500	
105	Esculin (đĩa định danh)	Thực hiện thử nghiệm thủy giải Esculin	đĩa	300	
106	Fluconazol 25µg	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	250	
107	Fluconazole (Đĩa kháng sinh)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	250	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
108	Flucytosine (Đĩa kháng sinh)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	250	
109	Fosfomycin 50µg	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
110	Gentamicin 10µg (Ge)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
111	Imipenem 10µg (Im)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
112	Levofloxacin 5µg (Lv)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
113	Linezolid 30µg (Li)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
114	Meropenem 10µg (Me)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
115	Nalidixic acid 30µg (Ng)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	
116	Neomycin 30µg (Ne)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
117	Netilmicin 30µg (NI)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	
118	Nitrofurantoin 300µg (Fr)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
119	Norfloxacin (Đĩa kháng sinh)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,500	
120	Novobiocin (đĩa định danh)	Thực hiện thử nghiệm phát hiện đề kháng Novobiocin	đĩa	500	
121	Ofloxacin 5µg (Of)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
122	ONPG (đĩa định danh)	Thực hiện thử nghiệm thủy giải ONPG	đĩa	100	
123	Optochin (đĩa định danh)	Thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin	đĩa	500	
124	Oxacillin 1µg (Ox)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	
125	Oxidase (đĩa định danh)	Thử nghiệm nhạy cảm Oxidase	đĩa	500	
126	Pefloxacin 5µg (Pf)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
127	Penicillin 10UI (Pn)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
128	Piperacillin/tazobactam 100/10µg (Pt)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,000	
129	Polymyxin B 300u (Pb)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
130	Rifampicin 30µg (Rf)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	200	
131	Streptomycin 10µg (Sm)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	200	
132	Sufamethoxazole/Trimethoprim 23,75/1,25µg (Bt)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
133	Teicoplanin 30µg (Tn)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
134	Tetracycline 30µg (Te)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	500	
135	Ticarcillin/clavulanic acid 75/10µg (Tc)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	2,500	
136	Tobramycin 10µg (Tb)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,500	
137	Urea (đĩa định danh)	Thực hiện thử nghiệm sinh Urease	đĩa	500	
138	Vancomycin 30µg (Va)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	1,500	
139	Voriconazole (Đĩa kháng sinh)	Đĩa kháng sinh là đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	đĩa	250	
140	VP (đĩa định danh)	Thực hiện thử nghiệm Voges Proskauer (VP)	đĩa	200	
141	XV (đĩa định danh)	Dùng thực hiện thử nghiệm xác định nhu cầu cần yếu tố X hoặc V để định danh vi khuẩn Haemophilus	Test	200	
142	BHI bột	Dùng để pha chế môi trường	gam	1,000	
143	Bộ kit Real time PCR phát hiện và xác định type HPV	Bộ xét nghiệm real-time định type HPV (Human Papillomavirus) có mặt trong các mẫu thử khác nhau lấy từ người sau khi mẫu đã xác định	Test	100	
144	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi.	Bộ	24	
145	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi.	Bộ	20	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
146	Bộ tách chiết cột DNA bằng cột	Sử dụng cho tách chiết DNA từ mẫu máu toàn phần bằng phương pháp cột	Test	600	
147	Bộ tách chiết DNA/RNA	Dùng để tách chiết acid nucleic	Test	600	
148	Bộ tách chiết DNA/RNA bằng cột	Sử dụng cho tách chiết DNA/RNA virus từ mẫu huyết thanh, huyết tương	Test	600	
149	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật hiếu khí	Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi hiếu khí các vi sinh vật từ mẫu máu	Chai	1,000	
150	CHROM agar bột	Dùng để pha chế môi trường, Môi trường sinh màu cho sự phân lập các vi sinh trong mẫu bệnh phẩm	gam	2,000	
151	COAGULASE TEST	Dạng bột chứa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus	Lọ	1,000	
152	Colistin 10µg (Míc)	Dùng để xác định MIC của kháng sinh đối với vi khuẩn bằng phương pháp khuếch tán kháng sinh trong thạch	que	200	
153	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi	ml	500	
154	Độ đục chuẩn 0.5 Mc F	Thuốc thử dùng thực hiện xác định độ đục của vi khuẩn trong thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ	Lọ	5	
155	Kit định lượng HBV Real time PCR	Bộ xét nghiệm phát hiện và định lượng HBV trong các mẫu thử khác nhau	Test	800	
156	Kit định lượng HCV Real time PCR	Bộ xét nghiệm realtime một bước phát hiện và định lượng HCV trong các mẫu thử khác nhau từ người	Test	100	
157	Kovac	Thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường hoặc đĩa giấy sinh hóa để thực hiện thử nghiệm sinh Indol	ml	1,000	
158	Methyl red - Voges Proskauer (MR-VP)	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm Methyl red và Voges Proskauer	Tube	100	
159	MHA bột	Dùng để đổ môi trường trên đĩa petri. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc	gam	1,500	
160	NA bột	Dùng để pha chế môi trường	gam	1,000	
161	Ống nghiệm EDTA 2ml	Ống chống đông cho 2ml máu toàn phần, nắp su.	Ống	20,000	
162	Test nhanh chẩn đoán Dengue IgG/IgM	Test thử xét nghiệm định tính các kháng thể IgG/IgM của vi rút Dengue trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần	Test	2,000	
163	Test nhanh chẩn đoán Dengue NS1 Ag	Test thử xét nghiệm phát hiện định tính kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh/huyết tương/máu toàn.	Test	9,000	
164	Test nhanh chẩn đoán nhanh phát hiện kháng thể kháng vi khuẩn lao	Test xét nghiệm chẩn đoán nhanh phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng vi khuẩn lao TB	Test	200	
165	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A	Test chẩn đoán nhanh viêm gan A. Mẫu sử dụng: huyết tương/huyết thanh.	Test	400	
166	Test nhanh chẩn đoán viêm gan E	Test chẩn đoán nhanh viêm gan E. Mẫu sử dụng: huyết tương/huyết thanh.	Test	400	
167	Test nhanh chẩn đoán virus cúm A và cúm B	Test nhanh xét nghiệm định tính phát hiện virus cúm A và cúm B	Test	300	
168	Test nhanh EV71	Phát hiện kháng thể IgM kháng Enterovirus 71. Mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương.	Test	500	
169	Test nhanh HBsAg	Test nhanh để xét nghiệm kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh/huyết tương người.	Test	500	
170	Test nhanh xét nghiệm định tính các kháng thể kháng H.pylori	Test nhanh để phát hiện định tính các kháng thể kháng H.pylori trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần	Test	400	
171	Test nhanh xét nghiệm định tính kháng nguyên H.pylori	Test nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên H.pylori trong mẫu phân người	Test	400	
172	Test nhanh xét nghiệm kháng thể kháng vi rút HIV-1 và HIV-2	Độ nhạy tương đối: 95-100 %, Độ đặc hiệu tương đối: 97-100 %	Test	500	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
173	Thuốc thử Methyl red	Thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường để thực hiện thử nghiệm Methyl red	lọ	10	
174	Thuốc thử NITI (NITRITE)	Thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường hoặc đĩa giấy sinh hóa Nitrate để thực hiện thử nghiệm khử Nitrate thành Nitrite.	lọ	10	
175	Vancomycin 30µg (Mic)	Dùng để xác định MIC của kháng sinh đối với vi khuẩn bằng phương pháp khuếch tán kháng sinh trong thạch	que	200	
176	WIDAL	Phát hiện Kháng nguyên vi khuẩn Salmonella.	Bộ	200	
177	Elisa huyết thanh Sán dây chó (Echinococcus granulosus)	Định tính kháng thể Echinococcus granulosuse IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	300	
178	Elisa huyết thanh Giun tròn chuột (Angiostrogylus cantonensis)	Định tính kháng thể Angiostrogylus cantonensi IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	300	
179	Elisa huyết thanh Sán lá gan nhỏ (Clonorchis/Opisthorchis)	Định tính kháng thể Clonorchis/Opisthorchise IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	300	
180	Elisa huyết thanh Sán lá phổi (Paragonimus)	Định tính kháng thể Paragonimus IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	300	
181	Elisa huyết thanh Amipe (Amipe)	Định tính kháng thể Amip IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	600	
182	Elisa huyết thanh giun đầu gai (Gnathostoma)	Định tính kháng thể Gnathostoma IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	600	
183	Elisa huyết thanh Giun đũa chó (Toxocara canis)	Định tính kháng thể Toxocara IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	600	
184	Elisa huyết thanh Giun lươn (Strongyloides stercoralis)	Định tính kháng thể Strongyloides stercoralis IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	600	
185	Elisa huyết thanh Sán lá gan lớn (Fasciola sp)	Định tính kháng thể Fasciola sp IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	600	
186	Elisa huyết thanh Sán lợn (Cysticercus cellulosae)	Định tính kháng thể Cysticercus cellulosae IgG trong huyết thanh người bằng kỹ thuật Elisa	Test	600	
TỔNG CỘNG: 186 danh mục					

...../.

Giá trên là giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí bốc vác, vận chuyển, lắp đặt tới nơi sử dụng và chi phí khác (nếu có)
Báo giá có giá trị trong thời gian :..... ngày kể từ ngày ký.
Kính mong Bệnh viện quan tâm xét chọn thầu, xin trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký tên và đóng dấu)

BẢNG BÁO GIÁ HÓA CHẤT

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam

Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam mời chào giá kế hoạch hoá chất, sinh phẩm kèm theo thông báo số: /TB-BV ngày / /2023

Tên đơn vị: Số điện thoại:
Địa chỉ:
Mã số thuế:
Ngành nghề kinh doanh dịch vụ chính
Nội dung báo giá như sau:

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
I	HÓA CHẤT DÙNG CHO XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH (≥ 170				
1	Mẫu chuẩn xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan C	Được dùng để hiệu chuẩn cho định tính kháng thể kháng kháng nguyên virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	15	
2	Mẫu kiểm tra xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan C	Được dùng để Kiểm tra độ xác thực và độ chính xác cho định tính kháng thể kháng kháng nguyên virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	50	
3	Xét nghiệm định tính kháng thể kháng virus viêm gan C	Để xét nghiệm phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người.	test	3,000	
4	Mẫu chuẩn định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	Được sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	15	
5	Mẫu kiểm tra định tính có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	Được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	50	
6	Xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	Được dùng để định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người, gồm cả mẫu từ thí (không còn nhíp tìm).	test	3,000	
7	Mẫu chuẩn xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và/hoặc kháng thể kháng virus HIV-1/HIV-2	Được dùng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch týp 1 và/hoặc týp 2 (HIV-1/HIV-2).	ml	15	
8	Mẫu kiểm tra xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và/hoặc kháng thể kháng virus HIV-1/HIV-2	Được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch týp 1 và/hoặc týp 2 (HIV-1/HIV-2).	ml	100	
9	Xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và/hoặc kháng thể kháng virus HIV-1/HIV-2	Để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2).	test	3,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
10	Mẫu chuẩn xét nghiệm phát hiện định tính kháng thể kháng Giang mai	Được sử dụng để hiệu chuẩn cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	15	
11	Mẫu kiểm tra xét nghiệm phát hiện định tính kháng thể kháng Giang mai	Được sử dụng để ước tính độ chính xác và phát hiện độ lệch sai số hệ thống cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người.	ml	50	
12	Xét nghiệm phát hiện định tính kháng thể kháng Giang mai	Là xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang để phát hiện định tính các kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người.	test	3,000	
13	Nước rửa	Nước rửa sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch	ml	76,000	
14	Dung dịch tiền phản ứng	Dung dịch xử lý tiền phản ứng, dùng trong phản ứng xét nghiệm miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO.	ml	58,500	
15	Nước rửa kim	Nước rửa kim chuyên biệt, được dùng để bảo dưỡng định kỳ cho hệ thống kim máy miễn dịch	ml	200	
16	Cốc phản ứng	Cốc nhựa sử dụng một lần để chứa dung dịch phản ứng phù hợp với máy miễn dịch tự động, dung tích $\leq 1000\mu\text{l}$ Thành phần cấu tạo: nhựa	Cái	20,000	
17	Cốc chứa mẫu	Cốc vi thể sử dụng một lần, thể tích $\leq 1400\mu\text{l}$, có thể sử dụng chứa mẫu bệnh nhân, mẫu chuẩn hoặc mẫu kiểm tra Thành phần cấu tạo: nhựa.	Cái	2,000	
18	Màng ngăn	Màng ngăn - ngăn bay hơi trong các lọ hóa chất	Cái	400	
19	Dung dịch phản ứng	Dung dịch phản ứng miễn dịch dùng cho máy xét nghiệm, có chứa Sodium hydroxide. Đạt tiêu chuẩn ISO.	ml	55,000	
II	Danh mục hóa chất xét nghiệm huyết học (≥ 60 TEST/GIỜ)				
20	Hóa chất pha loãng	Dung dịch dùng để pha loãng máu, duy trì thể tích tế bào pha loãng ổn định tế bào hồng cầu và tiểu cầu trong quá trình đếm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	5,000,000	
21	Hóa chất tẩy rửa.	Hóa chất tẩy rửa, tẩy được các loại Protein tích tụ. Thành phần tối thiểu hoặc tương đương: Subtilisin (enzyme thủy phân); Chất chống vi sinh vật; Polyoxyethylene Ether. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	1,000	
22	Hóa chất ly giải	Dung dịch ly giải màng tế bào. Ly giải các tế bào hồng cầu và giảm thiểu các mảnh vụn tế bào, để định lượng Hemoglobin. Ly giải màng tế bào bạch cầu, để lại màng nhân nguyên vẹn. Thành phần hoá chất không có Cyanua. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	95,000	
23	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới	Hóa chất dùng xét nghiệm hồng cầu lưới. Thành phần thuốc thử có Xanh Methylene. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	300	
24	Hóa chất 5 thành phần Bạch cầu	Dung dịch ly giải hồng cầu, pha loãng và ổn định Bạch cầu để thực hiện phân tích 5 thành phần bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	560,000	
25	Hóa chất kiểm chuẩn	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của xét nghiệm huyết học. Có 3 mức: thấp, bình thường, cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	270	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
III	Danh mục hóa chất xét nghiệm đông cầm máu (≥ 240 TEST/GIỜ)				
26	Chất chuẩn dùng cho các xét nghiệm phân tích đông máu	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho XN đông máu như Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ nhiệt độ 2-8 độ C với XN Fibrinogen, ≥ 8 giờ nhiệt độ 2-8 độ C với các XN yếu tố.	ml	60	
27	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng Lỏng.	ml	18,000	
28	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm hệ thống	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng Lỏng.	ml	2,400	
29	Cổng phản ứng dùng xét nghiệm đông máu.	Cổng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn.	Cái	45,000	
30	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hóa chất dùng để XN định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục, loại trừ truyền tắc huyết khối tĩnh mạch (VTE) Ngưỡng ≥ 500 ng/mL, độ nhạy $\geq 99.9\%$, độ đặc hiệu $\geq 40\%$, độ tuyến tính $\geq 215 - 128000$ ng/ml. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp): hóa chất Latex ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 7 ngày nhiệt độ ≤ 15 độ C trên máy.	ml	450	
31	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN định lượng D-Dimer dài đo bình thường và dài đo bất thường. Thời gian ổn định ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ, ≥ 24 giờ nhiệt độ ≤ 15 độ trên máy.	ml	60	
32	Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn đông máu.	Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn máy trên hệ thống đông máu. Dạng Lỏng.	ml	2,000	
33	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định hoạt độ của yếu tố VIII.	Hóa chất dùng để XN xác định hoạt độ của yếu tố VIII. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ	ml	40	
34	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen-Clauss.	Hóa chất dùng để XN định lượng Fibrinogen-Clauss. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 3 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 1 tháng nhiệt độ -20 độ C, ≥ 3 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy.	ml	180	
35	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu đo bình thường.	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dài đo bình thường. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ với XN PT, APTT, Fibrinogen, TT.	ml	150	
36	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian Prothrombin (PT).	Hóa chất dùng để XN thời gian PT. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 10 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C và ≥ 4 ngày ở ≤ 15 độ C trên máy.	ml	2,000	
37	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu.	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động.	ml	300,000	
38	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT	Hóa chất dùng để XN thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 10 ngày nhiệt độ ≤ 15 độ C trên máy.	ml	1,200	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
39	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian ThrombinTime (TT)	Hóa chất dùng để XN thời gian ThrombinTime (TT). Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp): hóa chất Thrombin ≥ 15 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 1 ngày nhiệt độ ≤ 15 độ C trên máy	ml	350	
40	Cốc đựng mẫu	Cốc vi thể sử dụng một lần, thể tích ≥ 2 ml, có thể sử dụng chứa mẫu bệnh nhân, mẫu chuẩn hoặc mẫu kiểm tra Thành phần cấu tạo: nhựa.	Cái	1,000	
IV	Hóa chất máy xét nghiệm định nhóm máu (≥ 60 TEST/GIỜ)				
41	Gel card xét nghiệm sàng lọc, định danh Kháng thể bất thường và làm phản ứng hòa hợp	Gel card 6 giếng, mỗi giếng chứa kháng thể Anti Human IgG và kháng thể đơn dòng Anti C3d. Dùng làm xét nghiệm Coombs trực tiếp; Coombs gián tiếp bao gồm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh KTBT. Xét nghiệm sàng lọc KTBT có độ nhạy $\geq 90\%$, độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	card	850	
42	Gel card xét nghiệm trong môi trường muối	Gel card 6 giếng, mỗi giếng chứa gel trong dung dịch đệm thích hợp; Dùng làm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh KTBT, định nhóm máu theo phương pháp hồng cầu mẫu. Xét nghiệm sàng lọc KTBT có độ nhạy và độ đặc hiệu 100%. Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	card	1,500	
43	Gel card định nhóm máu hệ ABO/ Rh(D) bằng 2 phương pháp và hòa hợp miễn dịch truyền máu cho khối tiểu cầu và huyết tương	Gel card 6 giếng gồm: Từ cột 1 - 3: Anti A – Anti B – Anti D (IgM) dùng để định nhóm máu xuôi (phương pháp huyết thanh mẫu); Từ cột 4 - 6: chứa gel trung tính, cột (Ctrl) để làm chứng âm, cột (A1) và cột (B) để định nhóm máu ngược (phương pháp hồng cầu mẫu). Có độ nhạy và độ đặc hiệu 100%. Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	card	9,000	
44	Gel card định nhóm máu hệ ABO/ Rh(D) trẻ sơ sinh	Gel card 6 giếng, lần lượt chứa kháng thể đơn dòng Anti A - Anti B - Anti AB - Anti D (IgM)- cột Ctrl gel trung tính (Neutral) - AHG xác định nhóm máu hệ ABO/Rho và phản ứng Coombs trực tiếp cho trẻ sơ sinh. Có độ nhạy và độ đặc hiệu 100%. Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	card	240	
45	Dung dịch lực ion yếu pha loãng	Dung dịch đệm lực ion thấp, với nồng độ Natri clorid thích hợp, dùng trong các xét nghiệm huyết thanh học. Bảo quản: 2 - 8 độ C; không để đông lạnh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	ml	12,500	
46	Gel card định nhóm máu và xét nghiệm hóa hợp miễn dịch truyền máu cho khối hồng cầu và máu toàn phần	Gel card 6 giếng chứa sẵn gel trong dung dịch đệm thích hợp: Từ cột 1 - 3: Anti-A - Anti-B - Anti-D (IgM); Từ cột 4 - 6: ENZ (Gel trung tính) – AHG – AHG dùng để xác định lại nhóm máu bệnh nhân và nhóm máu túi máu, làm phản ứng hòa hợp truyền máu giữa bệnh nhân và túi máu trong 2 môi trường muối và Coombs ở nhiệt độ 37 độ C. Có độ nhạy và độ đặc hiệu 100%. Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh.	card	2,650	
V	Hóa chất phù hợp với máy máu lắng tự động Linear				
47	Ống nghiệm đo tốc độ máu lắng	Ống dùng cho xét nghiệm đo tốc độ máu lắng trên máy đo tự động Linear.	ống	600	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
VI	Hóa chất huyết thanh học nhóm máu				
48	Anti A	Kháng thể đơn dòng Anti A Hiệu giá $\geq 1:32$. Độ đặc hiệu: 100% Bảo quản 2 - 8 độ C; không để đông lạnh. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	ml	900	
49	Anti AB	- Kháng thể đơn dòng Anti A,B - Hiệu giá $\geq 1:32$. Độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản ở 2 - 8 độ C, không để đông lạnh. - Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	ml	900	
50	Anti B	Kháng thể đơn dòng Anti B - Hiệu giá $\geq 1:32$. Độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản 2 - 8 độ C; không để đông lạnh. - Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	ml	900	
51	Anti D (IgG)	Kháng thể đơn dòng Anti D IgG - Hiệu giá $\geq 1:32$. Độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản 2 - 8 độ C; không để đông lạnh. - Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	ml	50	
52	Anti D (IgM)	Kháng thể đơn dòng Anti D (dòng P3X61) - Hiệu giá $\geq 1:32$. Độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản 2 - 8 độ C; không để đông lạnh. - Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	ml	50	
53	Anti D (IgM + IgG)	Là hỗn hợp của kháng thể đơn dòng lớp IgM và lớp IgG. - Hiệu giá $\geq 1:32$ - Độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản 2 - 8 độ C; không để đông lạnh - Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	ml	900	
54	Anti Human Globulin	Là một hỗn hợp cân bằng của Globulin có độ tinh khiết cao gồm Anti-IgG và Anti-C3d - Hiệu giá: Anti-IgG $\geq 1:32$; Anti-C3d $\geq 1:8$ - Độ đặc hiệu: Đa đặc hiệu với IgG người và các thành phần bổ thể C3b và C3d - Bảo quản ở 2 - 8 độ C, không làm đông. - Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	ml	50	
55	Thẻ định nhóm máu đầu giường trước truyền máu	Thành phần: Ô anti A chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti A IgM (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ô anti B chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti B IgM (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ô control chỉ chứa dung dịch đệm photphat. - Bảo quản 5 - 37 độ C, chịu được nhiệt độ lên tới 65 độ C trong không quá 6 tuần. - Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	test	1,500	
VII	Ống nghiệm lấy máu				
56	Ống nghiệm Sodium Citrate 3,2%	Ống lấy máu chân không vô trùng, nắp thiết kế 2 lớp: nhựa ngoài, su trong. Chứa chất chống đông Sodium citrate 3,2%, chống đông cho 1,8 - 2 ml máu. Có vạch chỉ giới hạn thể tích máu trên ống. Chất liệu bằng nhựa. Kính thước 13x75 mm (± 1 mm).	ống	20,000	
57	Ống nghiệm EDTA K2 2ml (ống chân không, nắp su)	Ống lấy máu chân không vô trùng, nắp thiết kế 2 lớp: nhựa ngoài, su trong. Chứa chất chống đông EDTA K2 được phun sương đều lên bề mặt bên trong thành ống, chống đông cho 2 ml máu. Chất liệu bằng nhựa. Kính thước 13x75 mm (± 1 mm).	ống	150,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
58	Ống nghiệm EDTA K2 6ml (ống chân không, nắp su)	Ống lấy máu chân không vô trùng, nắp thiết kế 2 lớp: nhựa ngoài, su trong. Chứa chất chống đông EDTA K2 được phun sương đều lên bề mặt bên trong thành ống, chống đông cho 6 ml máu. Chất liệu bằng nhựa.	ống	4,000	
VIII	Ống nghiệm lấy máu nhi				
59	Ống nghiệm Sodium Citrate 3,2% (nhi)	Chứa chất chống đông Sodium citrate 3,2%, chống đông cho 0,5ml hoặc 1 ml máu. Có vạch chỉ giới hạn thể tích máu trên ống. Chất liệu bằng nhựa.	ống	1,000	
60	Ống nghiệm EDTA K2 (nhi)	Chứa chất chống đông EDTA K2 , chống đông cho 0.5 ml hoặc 1 ml máu. Chất liệu bằng nhựa.	ống	1,000	
IX	Hóa chất nhuộm soi tế bào				
61	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi	ml	1,000	
62	Giêm sa mẹ	Dùng để nhuộm tế bào	ml	2,000	
63	Dung dịch Marciano		ml	1,000	
64	Dung dịch Lazarus		ml	1,000	
X	Sinh phẩm lấy máu nhân đạo				
65	Test nhanh HBsAg (dùng máu toàn phần)	Test nhanh phát hiện kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong máu toàn phần.	Test	3,600	

...../.

Giá trên là giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí bốc vác, vận chuyển, lắp đặt tới nơi sử dụng và chi phí khác (nếu có)

Báo giá có giá trị trong thời gian :..... ngày kể từ ngày ký.

Kính mong Bệnh viện quan tâm xét chọn thầu, xin trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký tên và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

BẢNG BÁO GIÁ HÓA CHẤT

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam

Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam mời chào giá kế hoạch hoá chất, sinh phẩm kèm theo thông báo số: /TB-BV ngày / /2023

Tên đơn vị:

Số điện thoại:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Ngành nghề kinh doanh dịch vụ chính

Nội dung báo giá như sau:

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
1	- Dầu trắng y tế, không chứa bất kỳ phụ gia có khả năng gây dị ứng. - Propane/butane	Dung dịch dầu bảo dưỡng dụng cụ y tế dùng để chăm sóc thủ công các dụng cụ phẫu thuật có khớp nối, bề mặt trượt, chỉ, chốt và các bộ phận khác; pH trung tính, tỷ trọng 0,85g/mL	ml	1,200	
2	50% Troclosene Sodium (NaDCC)		Viên	30,000	
3	Acid acetic tinh khiết		ml	150,000	
4	Acid citric		kg	300	
5	Alkylbenzyl Dimethylammonium Chloride 0,095% w/w + Didecyl Dimethylammonium Chloride 0,025% w/w	Alkylbenzyl Dimethylammonium Chloride 0,095% w/w + Didecyl Dimethylammonium Chloride 0,025% w/w	ml	150,000	
6	Anti A		ml	1,200	
7	Anti AB		ml	1,200	
8	Anti B		ml	1,200	
9	Bơm Canada (gắn lam kính)		gam	500	
10	Canxi hydroxit		mg	75,000	
11	Chất nhuộm tế bào		Hộp	1	
12	Clotest (H.Pylori)		test	1,100	
13	Composite đặc màu A2		mg	40,000	
14	Composite đặc màu A3		mg	40,000	
15	Composite đặc màu A3.5		mg	40,000	
16	Composite lỏng màu A3		mg	40,000	
17	Cồn 70 độ		ml	4,000,000	
18	Cồn 90 độ		ml	500,000	
19	Cồn Boric		ml	2,000	
20	Cồn tuyệt đối		ml	50,000	
21	Dầu parafin		ml	2,000	
22	Dầu soi kính		ml	1,000	
23	Dung dịch Lugol	3%	ml	5,000	
24	Dung dịch phun sương khử khuẩn bề mặt qua đường không khí thành phần H2O2+Ag ion	Hydrogen peroxide 5%(w/w), ion Ag 0,005% (w/w)	ml	150,000	
25	Dung dịch rửa tay phẫu thuật Chlorhexidine Gluconate	nồng độ 4% kl/tt. Có hoạt tính đối với hầu hết các vi khuẩn Gram dương và Gram âm, có ít tác dụng đối với một số chủng Pseudomonsa.	ml	180,000	
26	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại, dạng cồn (không rửa lại với nước).	Dạng dung dịch	ml	750,000	
27	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại, dạng cồn (không rửa lại với nước).	Dạng gel	ml	250,000	
28	EA-50		ml	3,000	
29	Eching (3,7% Phosphoric acid gel)		Ống	10	
30	Eosin		lọ		
31	Eugenol		ml	300	
32	Formol nguyên chất		ml	30,000	
33	Fuji IX		mg	180,000	
34	Gel bôi trơn K.Y		Tube	300	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
35	Gel siêu âm		Can	100	
36	Giêm sa mẹ		ml	1,000	
37	Glutaraldehyde	Dung dịch ngâm tiệt khuẩn mức độ cao, nồng độ từ 2,55%, pH = 6	ml	100,000	
38	Glycolic acid, Ethoxylated alcohol	xử lý các vết oxi hóa và rỉ sét trên dụng cụ inox, không ăn mòn dụng cụ.	ml	4,500	
39	Hoạt chất Enzym Protease + chất tẩy rửa	Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzyme làm sạch dụng cụ trước khi đưa đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn.	ml	70,000	
40	Hydrogen Peroxide 26,53% w/w + Acetic acid 7,83% w/w + Peracetic acid 5% w/w	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, không mùi, pH xấp xỉ 4, có khả năng diệt mầm bệnh trong vòng 5 phút.	ml	350,000	
41	Kẽm oxyt		gam	5,000	
42	Keo dán (bonding)		Tube	10	
43	Kovacs		ml	1,000	
44	Natri clorid tinh khiết	NaCl: 99,55%	Kg	300	
45	Orange G		ml	3,000	
46	Ortho- Phthaldehyde 0.55% + thành phần trợ	0,55% ortho - Phthalaldehyde	ml	600,000	
47	Parafin		kg	50	
48	Petroleum hydrocacbon, Ester acid béo, Chất kháng khuẩn.	Tác dụng: bôi trơn, ngăn ngừa kẹt tắc và làm tăng tuổi thọ của dụng cụ.	ml	4,000	
49	Protease 2.5% + Didecyl Dimethylammonium Chloride, 2,75% Nồng độ pha: 0.5%	Dùng để làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ nhiễm bẩn (tẩy máu, chất cặn và tất cả các Protein bám vào dụng cụ,	Gói	2,500	
50	Sáp ong		kg	10	
51	Sodium hypochloride NaClO 10% (nước Javen)		ml	10,000,000	
52	Sodium Hypochlorite 3% (Dung dịch bơm rửa ống tủy Hyposol)		ml	5,000	
53	Test đường huyết mao mạch		test	3,000	
54	Thuốc đánh bóng răng		Cái	2,000	
55	Thuốc thử schiff, Acid Periodic, Hemalum Mayer		Bộ		
56	Triethanolamine, Ethoxylated alcohol	xử lý màng bám biofilm trên dụng cụ inox, không ăn mòn dụng cụ.	ml	4,500	
57	Vôi soda	Vôi soda hấp thụ CO2 dùng trong y tế	gam	10,000	
58	Xylen		ml	50,000	
TỔNG CỘNG: 58 danh mục					

...../.

Giá trên là giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí bốc vác, vận chuyển, lắp đặt tới nơi sử dụng và chi phí khác (nếu có)

Báo giá có giá trị trong thời gian :..... ngày kể từ ngày ký.

Kính mong Bệnh viện quan tâm xét chọn thầu, xin trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký tên và đóng dấu)